TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2026
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe và bà Hà Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2026/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026, về việc "Ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1985; CCCD: 030185011214 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/3/2023. HKTT: Số D N, phường L, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1985; HKTT: 401 N, phường L, thành phố Hải Phòng; CCCD: 030085006456, nơi cấp: Bộ C. Địa chỉ hiện nay: Số C L, phường L, thành phố Hải Phòng.

(Các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 14/3/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không chia sẻ với nhau những công việc hàng ngày, thường xuyên cãi nhau. Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình nên chị đi lao động tại nước ngoài từ năm 2020 cho đến nay. Trong khoảng thời gian đó vợ

chồng ít quan tâm liên lạc với nhau nên tình cảm lạnh nhạt dần. Cuối năm 2025 chị về nước nhưng cũng không đoàn tụ cùng anh H. Nay chị nhận thấy chị và anh H không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H để ổn định công việc và cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/07/2012. Nếu ly hôn chị cũng rất mong muốn được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, từ khi chị đi nước ngoài con ở với anh H và gia đình nhà ông bà nội, con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đã quen với môi trường sống và học tập; cháu T1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, cho nên nên để đảm bảo ổn định việc học tập, sinh hoạt đồng thời tôn trọng nguyện vọng của con, chị nhất trí để anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con và tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đ/ tháng tính từ tháng 5/2026 cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh H trình bày:

Điều kiện và thời gian của vợ chồng như cô T trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, vợ chồng sống xa cách quá lâu (hơn 7 năm) nên không quan tâm chia sẻ với nhau. Trong quá trình chị T ở nước ngoài chỉ gọi điện về cho con chứ không nói chuyện với anh. Hiện tại chị T đã về nước nhưng cũng không về gia đình chồng đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng đã nhờ hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyên Anh T2 sinh ngày 04/7/2012, hiện đang ở với anh và gia đình tại số nhà C L, phường L, thành phố Hải Phòng. Hiện nay anh làm công ty, thu nhập khoảng 20.000.000đ/ tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Anh xin được tiếp tục nuôi con, chị T cấp dưỡng 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con thành niên anh hoàn toàn nhất trí. Anh đề nghị trong trường hợp cô T hoặc gia đình cô T đón con thì phải thông báo cho gia đình anh trước và chỉ được đón con trong thời gian ngắn để đảm bảo sinh hoạt và học tập của con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Minh T3 (Bố đẻ anh H trình bày): Chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt không tìm được tiếng nói chung. Ông mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung ông đề nghị tòa án tiếp tục giao cháu Nguyễn Anh T1 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay ông bà đều còn khỏe, có thể hỗ trợ anh H về vật chất và tinh thần cũng như đưa đón con đến lớp cho anh H yên tâm làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116,117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/7/2012 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con thành niên. Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú tại phường L, thành phố Hải Phòng. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 14/3/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài *(từ năm 2019 đến nay)* nên không còn tình cảm. Vợ chồng độc lập về kinh tế, mỗi người lo một cuộc sống riêng. Chị T xin ly hôn, anh H nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh H theo điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/7/2012. Anh H xin nuôi con, chị T hoàn toàn nhất trí, phù hợp với nguyện vọng của con mong muốn ở với bố. Căn cứ điều 81,82,83, 110,116,117 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX giao con Anh T1 cho anh H chăm sóc nuôi

dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình anh bên*:* Chị T, anh H cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 110,116,117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271,273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức H

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/7/2012 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/ tháng tính từ tháng 5/2026 đến khi con thành niên.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trảtương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng là 600.000 đồng, đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002587 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV8-Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Hải Phòng;
- UBND phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng để ghi vào sổ hộ tịch, số ĐKKH: 30 ngày 14/3/2011-UBND phường Thanh Bình, TP Hải Dương.
- Lưu hồ sơ
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Hưng